TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HS-ST
Ngày 27-3-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Trúc Ly

Ông Phú Minh Thông

- Thư ký phiên tòa:

+ Tại điểm cầu trung tâm: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Tại điểm cầu thành phần: Ông Lê Phan Duy Thịnh- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa*:**

+ Tại điểm cầu trung tâm: Ông Ngô Anh Hồng- Kiểm sát viên.

+ Tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Hồng Thái- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2023 theo hình thức trực tuyến, tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm đặt tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, điểm cầu thành phần đặt tại Nhà tạm giữ Công an Quận 1 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Phạm Thị D**, sinh ngày 24/4/1983 tại tỉnh Quảng Nam; Nơi thường trú: phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện tại: Không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD: 04918300xxxx do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội- Bộ Công an cấp ngày 25/8/2022; Con ông Phạm Nhật Trường và bà Lương

Thị Hương; Chồng: Không; Bị cáo có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 08/01/2009, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và "Trốn khỏi nơi giữ" theo bản án số: 19/2009/HSST. Đến ngày 08/6/2011, chấp hành xong hình phạt tù, đã xóa án tích.

Bị cáo bị bắt và tạm giam ngày 18/11/2022 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Trương Minh T**, sinh ngày 05/4/1988 tại tỉnh Long An; Nơi thường trú: huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Số CCCD 08008800xxxx do Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội- Bộ Công an cấp ngày 16/9/2022; Con ông Trương Văn T và bà Võ Thị H; Chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 06/9/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 16 tháng theo quyết định số: 397/QĐ-TA, đến ngày 01/10/2019, đã chấp hành xong. Ngày 16/3/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng theo quyết định số: 205/QĐ-TA, đến ngày 12/5/2021, đã chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị bắt và tạm giam ngày 18/11/2022 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng*:

Chị Đỗ Thị Hồng N, sinh năm 1992. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2022, Trương Minh T và Phạm Thị D sống chung với nhau như vợ chồng. Do cả hai có nhu cầu sử dụng ma túy nên chiều ngày 18/11/2022, T đưa cho D 400.000 đồng (tiền chung của cả hai) để mua ma túy và sử dụng xe mô tô biển số 59N2-709.xx chở D đến hẻm số 148 đường Bùi Viện, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để mua ma túy về sử dụng chung.

Tại đây, D đi bộ đến bên hông nhà số 148/5/45A đường Bùi Viện gặp một người phụ nữ (không rõ lai lịch) mua 02 tép Heroine giá 400.000 đồng, còn T đậu

xe mô tô đứng bên đường trước nhà số 113 đường Bùi Viện (đối diện hẻm 148 đường Bùi Viện) để chờ D.

Khoảng 15 giờ 25 phút cùng ngày, sau khi mua được ma túy D bỏ vào trong túi áo khoác bên phải D đang mặc và đi bộ trở ra ngồi lên xe của T và thông báo đã mua được 02 tép Heroine giá 400.000 đồng.

Lúc này, tổ tuần tra Công an Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 gồm các anh Nguyễn Thành Luân, Nguyễn Tuấn Phong và Trần Đặng Nhất Thiên Phương phát hiện D, T có biểu hiện nghi vấn về ma túy nên yêu cầu về Công an Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 làm rõ. Tại đây, có sự chứng kiến của chị Đỗ Thị Hồng N, D dùng tay phải lấy trong túi áo khoác phía trước, bên phải đang mặc 02 gói nylon chứa chất bột màu trắng (D khai là ma túy) nên tổ tuần tra giao D, T cùng vật chứng cho Công an Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, rồi chuyển Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 1 xử lý.

Theo Kết luận giám định số: 6822/KL-KTHS ngày 25/11/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Bột màu trắng trong 02 gói nyon được niêm phong bên ngoài có dấu vân tay, các chữ ký ghi tên Trương Minh T, Phạm Thị D và hình dấu Công an Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 là ma túy ở thể rắn, có tổng khối lượng 0,3810 gam, loại Heroine.

Tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Phạm Thị D, Trương Minh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, lời khai của các bị can phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan Cảnh sát Điều tra thu thập được.

Vật chứng vụ án:

01 (Một) gói niêm phong bên trong có chứa 0,3810 gam ma túy loại Heroine.

Tạm giữ của Trương Minh T:

01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu trắng xanh, biển số: 59N2-709.xx, số khung: RLCUG0610GY197765, số máy: G3D4E-210673, qua xác minh do Trương Minh T đứng tên đăng ký.

Các đồ vật hiện được nhập kho của Công an Quận 1.

Tại bản cáo trạng số: 51/CT-VKS-Q1 ngày 01 tháng 3 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Phạm Thị D và Trương Minh T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên bố các bị cáo Phạm Thị D và Trương Minh T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Các bị cáo đều là những đối tượng nghiện ma túy, có nhân thân xấu nên cần xử lý nghiêm. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phạm Thị D từ 21 đến 27 tháng tù và xử phạt bị cáo Trương Minh T từ 18 đến 24 tháng tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), phạt mỗi bị cáo 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng, không bào chữa, không tranh luận. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an Quận 1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản đối chất; Bản kết luận giám định số: 6822/KL-KTHS ngày 25/11/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, đã đủ cơ sở kết luận:

Phạm Thị D và Trương Minh T đã có hành vi cất giữ 0,3810g (Không phẩy ba tám một không gam) ma túy, loại Heroine nhằm mục đích để sử dụng. Hành vi

của các bị cáo đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 truy tố các bị cáo như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Trong vụ án này, Phạm Thị D và Trương Minh T đều là những đối tượng nghiện ma túy, để thỏa mãn cơn nghiện, các bị cáo đã cùng nhau góp tiền mua Heroine để sử dụng chung. Đây là vụ án có đồng phạm thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo D là người thực hành, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T là người giúp sức. Do đó, cả hai bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự đối với lượng 0,3810 gam ma túy thu giữ khi bị bắt quả tang mà cả hai mua để sử dụng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương và tiếp tay cho những phần tử xấu duy trì tệ nạn ma túy. Do vậy, cần có mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo, nhằm cải tạo, giáo dục riêng đối với mỗi bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Xét, các bị cáo tuy không có tiền án, nhưng đều là những đối tượng có nhân thân xấu, nhiều lần vi phạm pháp luật, do đó cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc mới đảm bảo được công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và có tác dụng răn đe đối với các bị cáo. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội. Đồng thời, áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) phạt bổ sung mỗi bị cáo số tiền 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ đối tượng bán ma túy cho các bị cáo (không rõ lai lịch), khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[5] Về xử lý vật chứng:

01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu trắng xanh, biển số 59N2-709.xx, số khung: RLCUG0610GY197765, số máy: G3D4E210673, qua xác minh do Trương Minh T đứng tên đăng ký. Xét, xe gắn máy trên đã được bị cáo T sử dụng chở bị cáo D đi mua ma túy nhưng không phải phương tiện dùng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo T.

Đối với số ma túy còn lại sau giám định là chất cấm tàng trữ nên tịch thu và tiêu hủy.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Viện Kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị D và Trương Minh T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt Phạm Thị D 21 (Hai mươi mốt) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2022.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 27/3/2023).

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt Trương Minh T 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/11/2022.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án, thời hạn tạm giam là 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 27/3/2023).

- Áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Phạt tiền bị cáo Phạm Thị D 5.000.000đ (Năm triệu đồng) và phạt tiền bị cáo Trương Minh T 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Trả lại cho bị cáo Trương Minh T 01 xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu trắng xanh, biển số 59N2-709.xx, số khung: RLCUG0610GY197765, số máy: G3D4E210673 do bị cáo Trương Minh T đứng tên chủ sở hữu (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 270/2022/PNK-THAHS ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Công an Quận 1).

Tịch thu và tiêu hủy toàn bộ 01 gói ma túy đã niêm phong bên ngoài ghi vụ số 1367/22 (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 02/2023/PNK-THAHS ngày 04 tháng 01 năm 2023 của Công an Quận 1).

- Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện Kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Công an TP.HCM (PC 53 - Đ3);
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Công an Quận 1;
- Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1;
- Thi hành án Hình sự Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Tĩnh